TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **68**/2021/HSST
Ngày 22/4/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phượng;
Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân Thủy
Bà Vũ Thị Kim Thanh

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyên, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/TLST - HS ngày 01/4/2021 đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Văn N**, sinh: 1981; Giới tính: Nam; HKTT: Tổ dân phố số 2 Mễ Trì Thượng, phường M, Nam Từ Liêm, Hà Nội; Nơi cư trú: Phòng 3309, tòa R4 chung cư GoldMark City, 136 Hồ Tùng Mậu, phường Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Họ tên bố: Nguyễn Văn B; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị G; Họ tên vợ: Đường Thị Thu T; Con: Có 02 con, lớn sinh 2016, nhỏ sinh 2018.

Tiền án, tiền sự: Không;

Danh chỉ bản số 0073, lập ngày 18/12/2020 tại Công an quận Bắc Từ Liêm. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt.

Người bị hại: Chị Vũ Thị Thu Tr, sinh 1997;

ĐKHKTT: Xã Đông Phương, huyện Đông Hưng, tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/9/2020, công an quận Bắc Từ Liêm tiếp nhận đơn của chị Vũ Thị

Thu Tr (SN 1997, HKTT: Đông Phương, Đông Hưng, T) tố giác Nguyễn Văn N có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 98.760.000.000 đồng thông qua việc nhận tiền làm thủ tục đi xuất khẩu lao động.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 phiếu thu số tiền 3.800USD ngày 24/12/2019 có chữ ký của Nguyễn Văn N (do chị Tr giao nộp)

- 01 điện thoại kiểu dáng Samsung màu xanh (thu của Nguyễn Văn N)

Ngày 25/11/2020, cơ quan điều tra đã ra quyết định số 818 trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Thu Tr và Nguyễn Văn N trên phiếu thu ngày 24/12/2019. Kết luận giám định số 10511 ngày 07/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Hà Nội kết luận:

"Chữ ký, chữ viết trên dòng họ tên Vũ Thị Thu Tr trên mẫu cần giám định với chữ viết dòng họ tên Vũ Thị Thu Tr trên mẫu so sánh là do ***cùng một người ký và viết ra.***

Chữ ký dưới mục "người lập", "thủ quỹ" trên mẫu cần giám định với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn N trên mẫu so sánh do ***cùng một người ký ra***.

Quá trình điều tra xác định:

Khoảng đầu tháng 12/ 2019, gia đình chị Tr có ý định cho chị Tr đi xuất khẩu lao động tại Nhật và được người quen giới thiệu gặp Nguyễn Văn N. N nói có 01 đơn hàng người đi Nhật do sức khỏe yếu không đi được và bảo chị Tr lên văn phòng công ty ở tòa nhà Intracom, Cầu Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội để tư vấn. Ngày 24/12/2019, chị Tr đến văn phòng gặp N thì N nói chị Tr đã đỗ đơn hàng thủy sản ở tỉnh Myaraki, Nhật Bản, nếu chị Tr đi thì phải nộp tiền đặt cọc ½ số tiền đi xuất khẩu lao động là 3.800USD và 10.600.000đồng tiền ăn tại trung tâm học tiếng. Chị Tr đã chuyển khoản cho N số tiền 3.800USD (có viết phiếu thu) và 10.600.000đ (không viết phiếu thu). Đến khoảng tháng 1/2020, chị Tr đến học tiếng tại trung tâm H13, Liên Mạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội. N hứa khoảng 2 tuần sau sẽ có hợp đồng của đơn hàng để cho chị Tr ký nhưng đến khoảng tháng 3/2020, N mới gọi chị Tr đến ký hợp đồng. Chị Tr đọc hợp đồng thấy tiền lương là 9 Man so với thỏa thuận ban đầu là 10 Man và trong hợp đồng không có dấu đỏ hay chữ ký của công ty bên Nhật nên nói không đi nữa, N đồng ý và hứa sẽ trả lại tiền đặt cọc cho chị Tr. Sau đó qua nhiều lần gọi điện đòi tiền, N hứa hẹn nhưng không thực hiện nên ngày 29/9/2020, chị Tr đã làm đơn tố cáo đến cơ quan công an. Đến ngày 26/11/2020, N đã gọi chị Tr đến thanh toán số tiền 87.000.000đồng sau khi đã trừ các khoản đã chi phí.

Nguyễn Văn N khai: Ngày 14/12/2019, N ký hợp đồng lao động với công ty TNHH một thành viên Đầu tư và phát triển Nông nghiệp Hà Nội (gọi tắt là Hadico)

có trụ sở ở số 202 đường Hồ Tùng Mậu, Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội, thời hạn 01 N nhiệm vụ là nhân viên đối ngoại, tìm kiếm các đối tác bên Nhật có nhu cầu tuyển lao động và tìm kiếm người lao động có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Nhật. Trước khi ký hợp đồng lao động, N đã là cộng tác viên với công ty Hadico và N đã giới thiệu nghiệp đoàn Saisa của Nhật ký kết hiệp định với công ty Hadico.

Khoảng tháng 12/2019, qua người quen giới thiệu, chị Tr đã gọi điện cho N để được tư vấn đi lao động tại Nhật Bản. Sau đó bên nghiệp đoàn Saisa tuyển đơn hàng thực phẩm phù hợp với nhu cầu của chị Tr nên N đã thông báo cho chị Tr và yêu cầu chị Tr nộp trước 3.800 USD và 10.600.000đồng gồm 3.000USD là tiền đặt cọc theo thỏa thuận giữa N và chị Tr sẽ chuyển sang tiền phí xuất cảnh khi bay để đảm bảo chị Tr tham gia đơn hàng đến lúc bay. 800USD là tiền học tiếng một khóa học (khoảng 5-7 tháng), 10.600.000đồng là tiền ăn, ở, điện nước. Đến ngày 12/12/2019, chị Tr đến tòa nhà Intracom số 33 Cầu Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội gặp N nộp sơ và tiền cho N. N thu tiền của chị Tr với tư cách cá nhân, phiếu thu do N tải trên mạng mẫu của Bộ tài chính để chị Tr tin tưởng N đại diện cho công ty thu tiền. N chưa làm bất cứ thủ tục gì để chị Tr đi làm việc tại Nhật Bản. Thời điểm chị Tr yêu cầu rút hồ sơ, không tham gia đơn hàng đi Nhật nữa và đòi lại tiền đặt cọc thì N đã sử dụng hết tiền của chị Tr vào nhu cầu cá nhân, đến tháng 11/2020, N mới hoàn trả tiền và hồ sơ cho chị Tr.

Biên bản làm việc ngày 16 và 18/12/2020 tại trụ sở công ty Hadico thể hiện: Nguyễn Văn N là nhân viên của công ty Hadico với nhiệm vụ tìm kiếm đối tác nước ngoài để ký hợp đồng với công ty và tìm các lao động trong nước có nhu cầu đi xuất khẩu lao động để giới thiệu đến công ty. Nghiệp đoàn Saisa là do Nguyễn Văn N giới thiệu đến công ty để ký hợp đồng làm đối tác với công ty. Toàn bộ các giao dịch với nghiệp đoàn Saisa đều phải thông qua công ty. Chi phí xuất khẩu lao động tại Nhật bản là 3.600USD thu vào thời điểm khi ra visa. Theo quy định của công ty, nhân viên không được tự ý thu tiền của người lao động (có bộ phận kế toán của công ty thu), không được tự ý đưa người đi lao động đi học tiếng (công ty có trung tâm đào tạo). Nguyễn Văn N không có chức năng, nhiệm vụ gì trong việc gửi Form của người lao động sang nghiệp đoàn Saisa và việc ký hợp đồng lao động giữa nghiệp đoàn và người lao động sẽ do công ty phân công phòng ban chức năng làm.

Công ty Hadico đã gửi xác minh liên quan đến nghiệp đoàn Saisa về lao động Vũ Thị Thu Tr được ông Nguyễn Văn Giang (SN 18/01/1986) là nhân viên của nghiệp đoàn Saisa Nhật Bản đại diện giao dịch với Hadico xác nhận: Trong dữ liệu trúng tuyển và hợp đồng đã gửi về Việt Nam không có thông tin của Vũ Thị Thu Tr.

Biên bản làm việc ngày 25/11/2020 tại văn phòng công ty GLC Group địa chỉ tầng 12 tòa MHDI số 68 Nguyễn Cơ Thạch, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội thể hiện: Nguyễn Văn N không ký kết hợp đồng gì với Trung tâm dạy nghề H13 thuộc công ty GLC Group. Ngày 06/01/2020, Nguyễn Văn N giới thiệu chị Vũ Thị Thu Tr đến trung tâm H13 để học tiếng Nhật. Chị Tr là người trực tiếp đến trung tâm đóng tiền cọc quân tư Tr, giáo trình, đồng phục tổng cộng là 1.150.000đồng cho phòng kế toán của trung tâm. Nguyễn Văn N không nộp bất kỳ hồ sơ hay khoản chi phí nào của chị Vũ Thị Thu Tr cho trung tâm. Ngoài ra, Nguyễn Văn N còn nhờ trung tâm H3 dạy tiếng Nhật và định hướng cho khoảng 10 lao động nhưng không nộp hồ sơ vào trung tâm mà chỉ trao đổi qua điện thoại, còn người lao động trực tiếp đến trung tâm làm thủ tục. Đến nay Trung tâm H13 nhiều lần yêu cầu Nguyễn Văn N thanh toán chi phí đào tạo liên quan đến các học viên do Nguyễn Văn N nhờ đào tạo nhưng N khất lần chưa thanh toán cho trung tâm.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Vũ Thị Thu Tr đã nhận lại tiền và không có yêu cầu gì về việc bồi thường.

Bản cáo trạng số 62/CT-VKSBTL ngày 26/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã truy tố Nguyễn Văn N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, bố mẹ bị cáo già yếu, các con bị cáo còn nhỏ, bản thân bị cáo đang bị bệnh nhồi máu cơ tim, tăng huyết áp.

- Người bị hại chị Vũ Thị Thu Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, đã nhận đủ số tiền bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì về phần dân sự. Đề nghị HĐXX xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 48 đến 60 tháng. Tịch thu sung công điện thoại thu giữ của bị cáo và miễn áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những căn cứ xác định tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, lời khai người bị hại và các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: N 2019, bị cáo Nguyễn Văn N vào làm nhân viên hợp đồng tại công ty Hadico với nhiệm vụ tìm kiếm đối tác để ký hợp đồng và tìm người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động giới thiệu cho công ty. Khoảng tháng 12/2019, lợi dụng việc bản thân là nhân viên của công ty Hadico, bị cáo đã tư vấn để chị Vũ Thị Thu Tr tin tưởng và chuyển cho bị cáo số tiền 98.760.000.000đồng để được đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Sau khi nhận tiền của chị Tr, bị cáo không nộp vào công ty và cũng không làm gì để chị Tr được đi xuất khẩu lao động mà sử dụng hết vào mục đích cá nhân nên không có tiền trả cho chị Tr. Sau khi chị Tr đã làm đơn trình báo cơ quan công an, đến tháng 11/2020, bị cáo mới hoàn trả lại tiền cho chị Tr.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do tài sản bị cáo chiếm đoạt trên 50 triệu đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, vì vậy cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, người bị hại có đơn xin xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát giáo dục của địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Vì vậy, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận đủ số tiền bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì về phần dân sự nên không xét.

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo 01 điện thoại di động kiểu dáng Samsung màu xanh đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, không kiểm tra số thuê bao có liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu sung công.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Văn N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Nguyễn Văn N 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về UBND phường Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án sẽ quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự :

- Tịch thu sung công: 01 điện thoại di động kiểu dáng Samsung màu xanh đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, không kiểm tra số thuê bao

(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 127/21 ngày 09/4/2021 của Cơ quan điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm và Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm.

3. Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự N 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thu Phượng

Nơi nhận:
- *Bị cáo, người bị hại;*
- *VKS ND quận Bắc Từ Liêm;*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *TAND TP Hà Nội;*
- *Công an quận Bắc Từ Liêm;*
- *Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;*
- *Sở Tư pháp TP Hà Nội;*
- *Lưu HS-VP.*